

TẠP CHÍ
PHÒNG CHỐNG BỆNH SỐT RÉT
VÀ CÁC BỆNH KÝ SINH TRÙNG

Tổng biên tập
PGS.TS. TRẦN THANH DƯƠNG

Phó Tổng biên tập
TS. NGUYỄN QUANG THIỀU

Ban biên tập

- | | |
|---------------------------------|---------------------------------|
| - GS.TS. NGUYỄN THANH LONG | - PGS.TS. BÙI QUANG PHÚC |
| - GS.TS. LÊ BÁCH QUANG | - PGS.TS. VŨ ĐỨC CHÍNH |
| - PGS.TS. NGUYỄN THANH PHONG | - PGS.TS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG BÌNH |
| - PGS.TS. TRẦN ĐẮC PHU | - TS. NGÔ ĐỨC THẮNG |
| - PGS.TS. NGUYỄN THỊ LIÊN HƯƠNG | - TS. NGUYỄN VĂN DŨNG |
| - PGS.TS. LÊ THÀNH ĐỒNG | - TS. ĐỖ TRUNG DŨNG |
| - PGS.TS. HỒ VĂN HOÀNG | - TS. LÊ TRUNG KIÊN |
| - PGS.TS. LÊ THỊ HỒNG HẢO | - TS. TRẦN HUY THỌ |

Thư ký khoa học
PGS.TS. Cao Bá Lợi

Tạp chí ra 2 tháng một kỳ

VIỆN SỐT RÉT- KÝ SINH TRÙNG - CÔN TRÙNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 34, Đường Trung Văn, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Tel: 0932 189 969

Fax: 024.38 544 326

E-mail: tapchikhoahocvsr@gmail.com

Website: nimpe.vn

Giấy phép số 510/GP-BVHTT ngày 29 tháng 9 năm 2015. Bộ Thông tin và Truyền thông cấp

MỤC LỤC

- Đánh giá hiệu lực, tính an toàn và sự chấp nhận của cộng đồng của hương xua diệt muỗi *Nimpe* trong phòng chống muỗi truyền sốt rét tại xã Pa Ủ, huyện Mường Tè, Lai Châu 3
- Đào Minh Trang, Vũ Đức Chính, Nguyễn Văn Dũng, Bùi Lê Duy
Nguyễn Trường An, Nguyễn Quang Thiều**
- Cải tiến phương pháp thu ấu trùng giun đũa chó *Toxocara canis* để tách chiết kháng nguyên chất tiết phục vụ xét nghiệm phát hiện kháng thể ở người tại Việt Nam. 10
- Nguyễn Thị Hợp, Đỗ Trung Dũng, Trần Thanh Dương,
Đỗ Trung Hà, Nguyễn Lương Tinh, Nguyễn Thị Hoàng Yến**
- Áp dụng phương pháp giải trình tự gen PSI beta and delta globin loài thân khỉ xanh Châu Phi (*Cercopithecus aethiops*) nhận dạng đặc hiệu dòng tế bào VERO 76 qua các đời cấy chuyền 18
- Phạm Văn Hùng, Trương quốc Phong**
- Một số đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng ở bệnh nhân nhiễm ấu trùng giun đũa chó/mèo *Toxocara spp.* đến khám tại Bệnh viện Đặng Văn Ngữ năm 2021 - 2022 26
- Vũ Thị Thu Băng, Nguyễn Ngọc San, Trần Huy Thọ**
- Đánh giá hiệu lực diệt kiến *Tapinoma sessile* và phản ứng không mong muốn trên người thử nghiệm của một số chế phẩm dạng bả dùm trong gia dụng 35
- Lê Trung Kiên, Trần Thanh Dương, Đoàn Minh Khiết, Nguyễn Thị Liên Hương**
- Áp dụng kỹ thuật trung hòa độc tố trên chuột nhắt trắng để kiểm định công hiệu huyết thanh chứa kháng thể đặc hiệu kháng độc tố vi khuẩn uốn ván 42
- Phạm Văn Hùng**
- Nhiễm giun lợn và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân điều trị nội trú tại Khoa Nội tổng quát, Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi, 2021 51
- Phạm Phú Ngọc Vũ, Hoàng Trường, Du Trọng Đức,
Trần Trinh Vương, Lê Đức Vinh**
- Nghiên cứu tối ưu hóa môi trường nuôi cấy chủng (*Bordetella pertussis*18323) sử dụng trong kiểm định công hiệu vắc xin ho gà 64
- Phạm Văn Hùng**
- Tỷ lệ và một số yếu tố ảnh hưởng đến nhiễm nấm *Candida sp.* âm đạo trên phụ nữ đến khám phụ khoa tại Bệnh viện Đại học y Hà Nội, 2021 72
- Nguyễn Thị Huệ, Phạm Ngọc Minh, Ngô Thị Thanh Xuân, Trần Thu Hà
Cao Vân Huyền, Phạm Thị Bích Ngọc**
- Áp dụng phương pháp ELISA định lượng kiểm định công hiệu sinh phẩm điều trị ImmunoHBs chứa kháng thể kháng viêm gan siêu vi B 83
- Phạm Văn Hùng**

ĐÁNH GIÁ HIỆU LỰC, TÍNH AN TOÀN VÀ SỰ CHẤP NHẬN CỦA CỘNG ĐỒNG CỦA HƯƠNG XUA DIỆT MUỖI NIMPE TRONG PHÒNG CHỐNG MUỖI TRUYỀN SỐT RÉT TẠI XÃ PA Ủ, HUYỆN MƯỜNG TÈ, LAI CHÂU

Đào Minh Trang, Vũ Đức Chính, Nguyễn Văn Dũng, Bùi Lê Duy

Nguyễn Trường An, Nguyễn Quang Thiều

Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương

Tóm tắt

*Nghiên cứu được tiến hành tại xã Pa Ủ, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu nhằm đánh giá hiệu lực phòng chống muỗi đốt trong và ngoài nhà của hương xua diệt muỗi NIMPE. Đồng thời đánh giá tính an toàn và sự chấp nhận của cộng đồng dân cư tại điểm nghiên cứu với hương xua diệt muỗi NIMPE. Kết quả cho thấy số lượng muỗi thu thập ở nhóm thử nghiệm có đốt hương thấp hơn số lượng muỗi thu thập được ở điểm đối chứng không đốt hương bằng phương pháp mời người, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Hiệu lực phòng chống muỗi được đánh giá với muỗi *An. maculatus* véc tơ truyền sốt rét có với mật độ cao tại điểm nghiên cứu. Hiệu lực phòng chống muỗi *An. maculatus* trung bình 6 giờ của hương xua với trong nhà là 90,91% và ngoài nhà là 93,86%. Tất cả người dân sử dụng hương được phỏng vấn cho thấy không có tác dụng không mong muốn nào khi sử dụng hương và 100% người dân được hỏi thích sử dụng hương xua diệt muỗi NIMPE.*

Abstract

EVALUATION OF EFFICACY, SAFETY AND COMMUNITY ACCEPTANCE OF NIMPE MOSQUITO COIL IN PA U COMMUNE, MUONG TE DISTRICT, LAI CHAU PROVINCE

Dao Minh Trang, Vu Duc Chinh, Nguyen Van Dung,

Nguyen Truong An, Nguyen Quang Thieu

National Institute of Malaria, Parasitology and Entomology

*A study was carried out in Pa U commune, Muong Te district of Lai Chau province with an objective of evaluating the efficacy of NIMPE mosquito repellent coils. On the other hand, the study was conducted to assess the acceptability of communities with NIMPE mosquito coil. Results showed that the number of *An. maculatus* mosquito bites in experimental group were lower than the control group, the difference was statistically significant ($p < 0.05$), which suggests that have effectiveness of NIMPE mosquito repellent coils against mosquitoes. Average efficacy of insecticandel in 6 hours against *An. maculatus* biting indoor was 90,91% and which outdoor was 93,86%. Besides, the study also showed that all people used NIMPE mosquito repellent coils with no expected effects and 100% of population there were prefer to use NIMPE mosquito repellent coils*

**CẢI TIẾN QUY TRÌNH THU ẤU TRÙNG GIUN ĐŨA CHÓ *Toxocara canis*
TRONG NUÔI CẤY IN VITRO ĐỂ SẢN XUẤT KHÁNG NGUYÊN CHẤT TIẾT**

Nguyễn Thị Hợp¹, Đỗ Trung Dũng¹, Nguyễn Quang Thiệu¹, Đỗ Trung Hà¹, Nguyễn Lương Tinh¹, Đỗ Thị Lan Phương², Nguyễn Thị Hoàng Yên³.

¹ Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương

² Trường đại học Nông lâm Thái Nguyên, ³ Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Tóm tắt

Toxocara canis (*T. canis*) là một loại giun ký sinh ở chó, ấu trùng lây nhiễm cho người gây ra sự di cư của ấu trùng nội tạng. Sự lây nhiễm được xét nghiệm bằng cách phát hiện các kháng thể IgG chống lại các kháng nguyên ấu trùng bài tiết trong huyết thanh bằng kỹ thuật ELISA, Western blot. Bước đầu tiên trong chế tạo các bộ kit ELISA, Western blot là tách chiết kháng nguyên chất tiết ấu trùng giun đũa chó *T. canis* (TcES) nên cần nuôi số lượng lớn ấu trùng. Nghiên cứu này mô tả một quy trình cải tiến để thu trứng giun đũa chó (GDC) nhanh và sạch, sau quá trình kích trứng nở thu được nhiều ấu trùng sống hơn.

Từ khóa: ấu trùng giun đũa chó, *Toxocara canis*, TcES

Abstract

**IMPROVEMENT ON THE PROCEDURE OF *Toxocara canis* LARVA COLLECTION
IN VITRO CULTURE TO MAKE EXCRETORY/SECRETORY ANTIGEN**

**Nguyen Thi Hop¹, Do Trung Dung¹, Nguyen Quang Thieu¹,
Do Trung Ha¹, Nguyen Luong Tinh¹, Do Thi Lan Phuong², Nguyen Thi Hoang Yen³.**

¹ National Institute of Malariology, Parasitology and Entomology

² Thai Nguyen University of Agriculture and Forestry

³ Vietnam National University of Agriculture

Toxocara canis is a dog roundworm, its infective larva stage transmits to humans causing the visceral larva migrans. The diagnosis in humans is conducted to determine IgG antibodies against excretory/secretory antigen from larvae in the patient serum by ELISA and Western Blot techniques. The first step for making ELISA or Western Blot Kit is the extraction of the excretory/secretory antigen from *T. canis* infective larvae (TcES). To solve this issue, it is necessary to get a large number of *T. canis* larvae. This study is aimed to describe an improvement of method which is used to collect *T. canis* infective eggs rapidly and freshly, resulting in a larger number of infective larvae are collected after hatching eggs.

Cán bộ phản biện

TS. Trương Văn Hạnh

Ngày nhận bài: 18/04/2022

Ngày gửi phản biện: 21/04/2022

Ngày đăng bài: 05/05/2022

**ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIẢI TRÌNH TỰ GEN PSI BETA AND DELTA GLOBIN
LOÀI THẬN KHỈ XANH CHÂU PHI (*Cercopithecus aethiops*) NHẬN DẠNG ĐẶC
HIỆU DÒNG TẾ BÀO VERO 76 QUA CÁC ĐỜI CÂY CHUYỀN**

Phạm Văn Hùng¹, Trương Quốc Phong²

¹ Viện kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm y tế

² Viện công nghệ sinh học và Công nghệ thực phẩm, Đại Học Bách khoa Hà Nội

Tóm tắt

Ngân hàng tế bào Vero 76 gốc giống (Master Cell Bank) và ngân hàng tế bào Vero 76 làm việc (Working Cell Bank) được nhận dạng đặc hiệu qua các đời cây chuyển bằng phương pháp giải trình tự gen đích psi beta and delta globin của dòng tế bào vero 76 thận khỉ xanh Châu phi (*Cercopithecus aethiops*) để nhận dạng và đánh giá sự ổn định về di truyền của ngân hàng tế bào Vero 76 gốc giống (MCB) và ngân hàng tế bào làm việc (WCB) được cấy chuyển nhiều lần trên môi trường nuôi cấy. Kết quả giải trình tự và so sánh để xác định các điểm sai khác giữa các mẫu tế bào ở các thế hệ cấy chuyển so với dòng tế bào gốc ban đầu trên ngân hàng dữ liệu Gen bank (NCBI). Kết quả đánh giá cho thấy các dòng tế bào ở các thế hệ cấy chuyển không có sự khác biệt nhau và so với dòng tế bào gốc, điều này khẳng định có sự ổn định về mặt di truyền của các dòng tế bào trong quá trình cấy chuyển thiết lập ngân hàng.

Từ khóa: Gen psi beta and delta globin, Nhận dạng tế bào, Giải trình tự gen, Vero76.

Abstract

**APPLYING SEQUENCING METHOD OF PSI BETA AND DELTA GLOBIN
GENES OF SPECIES AFRICAN GREEN MONKEY KIDNEY (CERCOPITHECUS
AETHIOPS) FOR SPECIFIC IDENTIFICATION VERO 76 CELL LINE ACROSS
GENERATIONS CULTURES**

Pham Van Hung¹, Truong Quoc Phong²

¹National Institute for Control of Vaccine and Biologicals

² Institute of Biotechnology and Food Technology, Bach Khoa University Hanoi

Vero 76 Master Cell Bank and Vero 76 Working Cell bank were specifically identified by used the psi beta and delta globin target gene sequencing method of the vero 76 African green monkey kidney (*Cercopithecus aethiops*) cell line to identify and evaluate the genetic stability of the Vero 76 Master Cell Bank (MCB) and Working cell bank (WCB) were cultured several times on culture medium. The results of sequencing and comparison to determine the difference between the cell samples in the transfected generations compared with the original Vero cell line reference on the Genbank database (NCBI). The evaluation results showed that the cell lines in the transfected generations did not differ from each other and compared with the vero cell line reference on the Genbank database (NCBI), this confirmed the genetic stability of the cell lines during the process establish and transfer the Vero 76 bank of MCB and WCB.

Keywords: Gene psi beta and delta globin, Identification, Sequencing, Vero76 MCB&WCB.

Cán bộ phản biện

PGS.TS. Cao Bá Lợi

Ngày nhận bài: 18/04/2022

Ngày gửi phản biện: 21/04/2022

Ngày đăng bài: 05/05/2022

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM LÂM SÀNG, CẬN LÂM SÀNG Ở BỆNH NHÂN NHIỄM ẬU TRÙNG GIUN ĐŨA CHÓ/MÈO *Toxocara* spp. ĐẾN KHÁM TẠI BỆNH VIỆN ĐẶNG VĂN NGŨ NĂM 2021 - 2022

Vũ Thị Thu Bằng¹, Nguyễn Ngọc San¹, Trần Huy Thọ²

¹ Trường đại học Y Hà Nội, ² Bệnh viện Đặng Văn Ngữ

Tóm tắt

Nghiên cứu được thực hiện trên 109 bệnh nhân nghi ngờ nhiễm bệnh ấu trùng giun đũa chó/mèo (*Toxocara* spp.) tới khám tại bệnh viện Đặng Văn Ngữ. Trong đó 53 bệnh nhân được chẩn đoán xác định và 56 bệnh nhân chẩn đoán nghi ngờ nhiễm. Kết quả cho thấy, lý do chính bệnh nhân tới khám bệnh thường gặp nhất là ngứa 54,1%, nổi mề đay 16,5% và một số lý do khác. Bệnh nhân được chẩn đoán xác định nhiễm ấu trùng giun đũa chó/mèo có biểu hiện triệu chứng lâm sàng với các tỷ lệ khác nhau (ngứa 66%; nổi mề đay 24,4% và đều có ngứa; đau bụng 11,3%; táo bón 1,9%; phân lỏng 11,3%; đau đầu 9,4%; sụt cân 3,8%; xuất hiện các mảng bầm tím dưới da 7,5%; ngứa mắt, nhìn mờ 1,9%; nổi u cục dưới da 1,9%; xuất hiện đường ngoằn ngoèo trên da 1,9%).

Về đặc điểm cận lâm sàng: xét nghiệm sinh hóa máu cho thấy: tăng AST 17%; tăng ALT 20,8%; tăng GGT 18,9%; tăng AST và ALT 11,3%; tăng AST, ALT và GGT 3,8%. Xét nghiệm huyết học thấy: tăng bạch cầu ái toan 24,5%; số lượng hồng cầu giảm 5,7%; giảm tiểu cầu 13,2%. Xét nghiệm định lượng IgE cho thấy: tăng 71,7%; bệnh biểu hiện ngứa và/hoặc nổi mề đay có tăng IgE lần lượt là 80% và 84,6%. Siêu âm gan bệnh nhân chẩn đoán xác định thấy: 1,9% gan to; 3,8% tổn thương dạng nốt; 28,3% có các tổn thương khác như tổn thương dạng đám, vôi hóa...

So sánh cho thấy có sự khác biệt về sự xuất hiện các dấu hiệu lâm sàng là ngứa, một số dấu hiệu đặc thù như xuất hiện đường ngoằn ngoèo dưới da và chỉ số cận lâm sàng là tăng bạch cầu ái toan giữa nhóm bệnh nhân dương tính với *Toxocara* spp. và nhóm bệnh nhân nghi ngờ.

Từ khóa: bệnh nhân xác định, bệnh nhân nghi ngờ, nhiễm ấu trùng giun đũa chó/mèo, nhiễm ấu trùng *Toxocara* spp..

Abstract

CLINICAL AND SUBCLINICAL FEATURES OF PATIENTS INFECTED WITH *Toxocara* spp. WHO VISITED AT DANG VAN NGO HOSPITAL IN 2021 - 2022

Vu Thi Thu Bang¹, Nguyen Ngoc San¹, Tran Huy Tho²

¹ Hanoi Medical University, ² Dang Van Ngu Hospital

The study was conducted on 109 patients who came to the clinic, in which 53 patients were diagnosed with *Toxocara* spp. cats at Dang Van Ngu hospital. The results showed that the main reason for the patients to visit the doctor most often was itching 54.1%, urticaria 16.5% and some other reasons. Patients were diagnosed with roundworm's larvae of dog/cat

showed clinical symptoms with different rates (66% pruritus; urticaria 24.4% and both had pruritus; abdominal pain 11.3. %; digestive disorders 13,2%;headache 9.4%; fever 5.7%; fatigue 3.8%; weight loss 3.8%; bruises below skin 7.5%; itchy eyes, blurred vision 1.9%; skin lumps 1.9%; zigzag lines on skin 1.9%).

The subclinical features: biochemical blood test showed: increased AST 17%; increased ALT 20.8%; increase in GGT by 18.9%; increased AST and ALT 11.3%; increased AST, ALT and GGT 3.8%. Hematological tests showed: eosinophilia 24.5%; red blood cell count decreased by 5.7%; thrombocytopenia 13.2%. Quantitative IgE test showed: increased by 71.7%; patients presenting with pruritus and/or urticaria had increased IgE of 80% and 84.6%, respectively. Results of liver ultrasound of patients: 1.9% enlarged liver; 3.8% of nodular lesions; 28.3% had other lesions such as cluster lesions, calcifications...

*The comparison showed no difference in the appearance of clinical signs (except pruritus and some rare specific signs) and subclinical index (except eosinophil index) between the groups. The patient was positive for *Toxocara spp.* and group of suspected patients.*

Key words: confirmed patient, suspected patient, dog/cat ascariasis, *Toxocara spp.*.

Cán bộ phản biện

PGS.TS. Đỗ Trung Dũng

Ngày nhận bài: 18/04/2022

Ngày gửi phản biện: 21/04/2022

Ngày đăng bài: 05/05/2022

**ĐÁNH GIÁ VÀ SO SÁNH HIỆU LỰC DIỆT KIẾN *TAPINOMA SESSILE*
CỦA MỘT SỐ CHẾ PHẨM DẠNG BẢ DỪNG TRONG GIA DỤNG VÀ Y TẾ**

Lê Trung Kiên¹, Trần Thanh Dương¹,

Đoàn Minh Khiết¹, Nguyễn Thị Liên Hương²

¹*Viện Sốt rét- Ký sinh trùng- Côn trùng Trung ương.*

²*Cục quản lý môi trường Y tế, Bộ Y tế*

Tóm tắt

Thử nghiệm trong phòng thí nghiệm đánh giá và so sánh hiệu lực của chế phẩm Maxforce Quantum 0,03% với hoạt chất Imidacloprid 0,03% w/w và Kibamid 7,5RB chứa hoạt chất sulfuramid 0,75% w/w trên loài kiến Tapinoma Sessile thu bắt tại thực địa trong tháng 10- 11 năm 2021 và ghi nhận phản ứng không mong muốn với người thử nghiệm.

Kết quả thử nghiệm cho thấy bả diệt kiến Maxforce Quantum 0,03% có hiệu lực diệt kiến đạt yêu cầu với loài kiến Tapinoma Sessile có tỷ lệ chết 90% sau 8 ngày tiếp xúc với bả. Hiệu lực diệt đạt 100% tỷ lệ kiến chết sau 11 ngày thử nghiệm. Bả diệt kiến Kibamid 7,5RB có hiệu lực diệt kiến không đạt với tỷ lệ kiến chết chỉ 82,67% sau 14 ngày tiếp xúc với bả. Không ghi nhận phản ứng không mong muốn ở người trực tiếp thử nghiệm 2 chế phẩm Maxforce Quantum 0,03% và Kibamid 7,5RB.

Từ khóa: *Maxforce Quantum 0,03%, Kibamid 7,5RB, Tapinoma sessile, bả.*

Abstract

**BIO-EFICACY COMPARISON AND PERCEIVED ADVERSE EFFECTS OF SOME
BAITS AGAINST *TAPINOMA SESSILE* ANT**

**Le Trung Kien¹, Tran Thanh Duong¹, Doan Minh Khiat¹,
Nguyễn Thị Liên Hương²**

¹*National Institute of Malariology, Parasitology and Entomology*

²*Vietnam Health environmental management Agency, Ministry of Health*

*Base on eco-biological characteristics of *Tapinoma sessile* ant, the bio-efficacy evaluation and perceived adverse effects were carried out on Maxforce Quantum with Imidacloprid 0,03% w/w and Kibamid 7.5RB with Sulfuramid 0,75% w/w for *Tapinoma sessile* ant collected at field site. During October, 2021, the result were showed Maxforce Quantum have highly effectiveness for ant with 90% mortality rate at day 8 and completed 100% dead ant after 14 trial days. However, Kibamid 7.5RB did not meet effective criterial with only 82,67% mortality rate after 14 days of trial. There were no perceived adverse effects for both Maxforce Quantum 0.03% and Kibamid 7.5RB during testing.*

Key words: *bait, Maxforce Quantum, Kibamid, *Tapinoma sessile*.*

Cán bộ phản biện

PGS.TS. Cao Bá Lợi

Ngày nhận bài: 18/04/2022

Ngày gửi phản biện: 21/04/2022

Ngày đăng bài: 05/05/2022

**ÁP DỤNG KỸ THUẬT TRUNG HÒA ĐỘC TỐ TRÊN CHUỘT NHẮT TRẮNG ĐỂ
KIỂM ĐỊNH CÔNG HIỆU HUYẾT THANH CHỨA KHÁNG THỂ ĐẶC HIỆU
KHÁNG ĐỘC TỐ VI KHUẨN UỐN VÁN**

Phạm Văn Hùng và cs

Viện kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm y tế

Tóm tắt

Sinh phẩm Globulin miễn dịch (IV. Globulin) là sản phẩm được sử dụng nhằm cung cấp miễn dịch thụ động, làm tăng nồng độ kháng thể đặc hiệu của cá thể, giúp trung hoà vi sinh vật gây bệnh hoặc các yếu tố độc lực của vi sinh vật gây bệnh. Nghiên cứu này thực hiện nhằm đánh giá sự phù hợp của kỹ thuật trung hòa độc tố trên chuột nhắt trắng để kiểm định chất lượng Globulin miễn dịch chứa kháng thể đặc hiệu kháng độc tố vi khuẩn uốn ván. Chúng tôi thực hiện độ chính xác trung gian và độ lặp lại của thử nghiệm xác định huyết thanh kháng độc tố uốn ván có trong sinh phẩm IV. Globulin bằng kỹ thuật trung hòa độc tố trên chuột nhắt trắng. Kết quả hiệu giá huyết thanh kháng độc tố uốn ván trong sinh phẩm IV. Globulin khi thực hiện độ chính xác trung gian là 21, 40IU/ml với CV là 2,56% và độ lặp lại là 21,67 IU/ml với CV là 2,38%. Các kết quả nghiên cứu chứng minh kỹ thuật trung hoà độc tố trên chuột nhắt trắng đạt yêu cầu về độ chính xác để kiểm định chất lượng Globulin miễn dịch chứa kháng thể đặc hiệu kháng độc tố vi khuẩn uốn ván.

Abstract

APPLIFICATION OF THE NEUTRALIZATION TOXIN TECHNIQUE ON ICR MICE FOR CONTROL POTENCY OF ANTISERUM CONTAINS SPECIFIC ANTIBODIES AGAINST TETANUS TOXIN

Pham Van Hung et al

National Institute for control of Vaccines and Biologicals

Immune Globulin (IV. Globulin) biological product is a product used to provide passive immunity, to increase the concentration of specific antibodies of an individual, to help neutralize pathogenic microorganisms or virulent factors. of pathogenic microorganisms. This study was conducted to evaluate the suitability of the toxin neutralization technique in white mice to test the quality of immunoglobulins containing specific antibodies against tetanus toxin. We performed intermediate accuracy and repeatability of the assay for the determination of tetanus antitoxin sera present in IV biologicals. Globulin by toxin neutralization technique in white mice. Results of tetanus antitoxin serological results in IV biologicals. Globulin as an intermediate precision was 21.40IU/ml with a CV of 2.56% and a repeatability of 21.67 IU/ml with a CV of 2.38%. The research results demonstrate that the toxin neutralization technique in white mice meets the accuracy requirements to test the quality of immunoglobulins containing specific antibodies against tetanus toxin.

Keywords: IV. Globulin; Neutralization Toxin Technique in ICR mice, Protective effect.

NHIỄM GIUN LƯƠN VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN Ở BỆNH NHÂN ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ TẠI KHOA NỘI TỔNG QUÁT, BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC CỬ CHI, 2021

Phạm Phú Ngọc Vũ¹, Hoàng Trường², Du Trọng Đức²,
Trần Trinh Vương², Lê Đức Vinh²

¹ Bệnh viện Đa Khoa Khu Vực Củ Chi; ² Trường Đại Học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Tóm tắt

Bệnh giun lươn ở người gây ra bởi nhiễm *Strongyloides stercoralis*, là một trong những bệnh ký sinh trùng bị lãng quên, nhưng lại là vấn đề sức khỏe quan trọng ở người có tổn thương hệ thống miễn dịch do tính chất đặc trưng về chu trình tự nhiễm và dẫn đến tăng nhiễm. Hiện nay vẫn chưa có nhiều nghiên cứu về giun lươn trên đối tượng bệnh nhân điều trị nội trú tại bệnh viện. Nghiên cứu mô tả cắt ngang và chọn mẫu thuận tiện tất cả bệnh nhân đang được điều trị nội trú tại bệnh viện. Mẫu phân được thu thập và xét nghiệm chẩn đoán nhiễm giun lươn bằng kỹ thuật soi trực tiếp và nuôi cấy Harada Mori cải tiến. Nghiên cứu 330 trường hợp bệnh nhân điều trị nội trú tại khoa nội tổng quát bệnh viện đa khoa khu vực Củ Chi cho thấy tỷ lệ nhiễm giun lươn là 8,5%. Trong đó kết quả xét nghiệm soi giun chỉ phát hiện được 7,0%, thấp hơn kỹ thuật cấy. Đối tượng trên 60 tuổi, có sử dụng corticoides kéo dài, nghề nghiệp thuộc ngành nông nghiệp và thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với đất trong các sinh hoạt tăng nguy cơ nhiễm giun lươn lần lượt là 4,1; 3,0; 4,5 và 5,1 lần so với nhóm còn lại. Giới tính, trình độ học vấn, tình trạng sử dụng hố xí không hợp vệ sinh, tỷ lệ % bạch cầu ái toan không liên quan đến tình trạng nhiễm giun lươn.

Từ khoá: Giun lươn, phương pháp cấy Harada – Mori, Bệnh viện Đa Khoa Khu Vực Củ Chi

Abstract

THE PREVALENCE OF *Strongyloides stercoralis* INFECTION AND RELATED FACTORS IN INPATIENTS AT THE GENERAL INTERNAL DEPARTMENT, CU CHI REGIONAL GENERAL HOSPITAL, 2021

Vu Pham Phu Ngoc¹, Truong Hoang², Duc Du Trong²,
Vuong Tran Trinh², Vinh Le Duc²

¹ Cu Chi Regional General Hospital;

² Pham Ngoc Thach University of Medicine

Human strongyloidiasis – the disease is caused by Strongyloides stercoralis infection, is one of the neglected parasitic diseases, but is an important health problem in immunodepression patients due to its autoinfection cycle and lead to hyperinfection. In currently, there were not many adequate studies on this major in patients who were treated inside hospital. A cross-sectional descriptive study and convenient sampling of all patients being treated as inpatients at the hospital. Stool samples were collected and tested for Strongyloides stercoralis infection by direct smear and modified Harada Mori culture. Study of 330 cases of

inpatients treated at the general internal medicine department of Cu Chi general hospital showed that: the prevalence of Strongyloides spp infection was 8.5%. In which, direct smear technique only detected 7.0%, lower than the culture technique. Patients over 60 years old, prolonged use of corticosteroids, farmer and frequent contact with soil directly increased Strongyloides spp infection risk 4.1; 3.0; 4.5 and 5.1 times in order. Sex, education level, unhygienic latrines using, and the percentage of eosinophils were not related with Strongyloides spp infection.

Keywords: *Strongyloides spp infection, Harada - Mori technique, Cu Chi Regional General Hospital*

Cán bộ phản biện

PGS.TS. Cao Bá Lợi

Ngày nhận bài: 18/04/2022

Ngày gửi phản biện: 21/04/2022

Ngày đăng bài: 05/05/2022

NGHIÊN CỨU TỐI ƯU HÓA MÔI TRƯỜNG NUÔI CẤY CHỦNG
(*Bordetella pertussis*18323) SỬ DỤNG TRONG KIỂM ĐỊNH CÔNG HIỆU
VẮC XIN HO GÀ

Phạm Văn Hùng và cs

Viện Kiểm định Quốc Gia Vắc xin và Sinh phẩm y tế

Tóm tắt

Tiến hành nghiên cứu tối ưu quy trình nuôi cấy chủng *B. pertussis* trên môi trường BG bổ sung 15% máu thỏ đưa ra công thức môi trường phù hợp để chủng *B. pertussis* 18323 sinh trưởng và phát triển tốt, đảm bảo độc tính của chủng trên chuột nhắt. Thực hiện đánh giá chất lượng về độc tính của chủng trên môi trường BG 15% máu thỏ cho kết quả LD₅₀ ổn định, nằm trong khoảng cho phép, số lượng khuẩn lạc cấy đếm từ 20μl cũng nằm trong khoảng cho phép theo wui định WHO. Kết quả nghiên cứu và sản xuất 3 loạt chủng *B. pertussis* 18323 nuôi cấy trong môi trường mới BG 15% máu thỏ đã cất giữ trong nitơ lỏng đảm bảo đủ các điều kiện của chủng thử thách. Đề tài đã sản xuất được 70 ống chủng *B. pertussis* 18323 sử dụng chủng làm việc bảo quản trong điều kiện đông băng môi trường nitơ lỏng, đạt yêu cầu về chất lượng theo quy định của Dược điển Việt Nam IV bao gồm (tính đồng nhất, ổn định và có độc tính đặc hiệu) và được sử dụng cho kiểm định công hiệu vắc xin Ho gà tại Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm y tế (NICVB).

Từ khóa: chủng *B. pertussis* 18323, thạch máu BG thỏ 15%.

Abstract

OPTIMIZING CULTURE MEDIUM FOR *bordetella pertussis* STRAIN 18323 IN POTENCY TEST OF PERTUSSIS VACCINE

Pham Van Hung et al

National Institute Quality Control of Vaccine and Biological

Develop a Optimization study the medium culture of *Bordetella pertussis* on BG medium with 15% rabbit blood intends to provide a suitable medium formula for *B. pertussis* strain 18323 to grow and thrive, that ensures the virulence of challenge strain on mice. Lethality test results of challenge strain on BG medium supplemented with 15% rabbit blood gave stable results of LD₅₀, which is in specification. The number of colonies counted from 20μl was also within the allowable range. So dilution series of *B.pertussis* that stored in liquid nitrogen met requirements for the challenge strains. The research project produced 70 tubes of *B. pertussis* strain 18323 to be used as working seed, preserved in liquid nitrogen conditions, qualified for the quality requirements as prescribed by the Vietnam Pharmacopoeia IV (including uniformity, stability, and specific toxicity) and it is used for testing the potency of pertussis vaccines at the National Institute for Control of Vaccines and Biologicals (NICVB).

Keyword: *B. pertussis* 18302, BG agar 15% rabbit blood.

TỶ LỆ VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN NHIỄM NẤM *Candida* sp. ÂM ĐẠO TRÊN PHỤ NỮ ĐẾN KHÁM PHỤ KHOA TẠI BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI, NĂM 2021

**Nguyễn Thị Huệ^{1,2}, Phạm Ngọc Minh^{1,2}, Ngô Thị Thanh Xuân³, Trần Thu Hà³
Cao Vân Huyền^{1,2}, Phạm Thị Bích Ngọc^{1,2}**

¹ Đại học Y Hà Nội, ² Khoa Vi sinh – Ký sinh trùng, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội
³ Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

Tóm tắt

Nghiên cứu được thực hiện trên 300 đối tượng là phụ nữ đến khám phụ khoa tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội, qua thăm khám thực thể có ra khí hư bất thường và được chỉ định làm xét nghiệm soi tươi dịch âm đạo tìm vi nấm. Tỷ lệ nhiễm nấm *Candida* sp. âm đạo là 22,3%. Một số yếu tố ảnh hưởng đến nhiễm nấm *Candida* sp. âm đạo gồm: Nơi phơi quần lót thiếu ánh sáng (OR=3,871; 95%CI=1,204 – 12,447), nguồn nước sử dụng không phải nước sạch (OR=2,348; 95%CI=1,052 – 5,402), số lượng bạn tình >1 (OR=2,795; 95%CI=1,094 – 7,139), tiền sử sử dụng kháng sinh (OR=2,051; 95%CI=1,088 – 3,867), sử dụng băng vệ sinh hàng ngày thường xuyên (OR=2,802; 95%CI=1,504 – 5,221).

Từ khóa: *Candida* sp., âm đạo.

Abstract

RATE AND SOME FACTORS AFFECTING *Candida* sp. VAGINA ON WOMEN GOING TO GYNECOLOGICAL EXAMINATION AT HANOI MEDICAL UNIVERSITY HOSPITAL, IN 2021

Nguyen Thi Hue^{1,2}, Pham Ngoc Minh^{1,2}, Ngo Thi Thanh Xuan³, Tran Thu Ha³

Cao Van Huyen^{1,2}, Pham Thi Bich Ngoc^{1,2}.

¹ Ha Noi Medicine University, ² Department of Microbiology and Parasitology, Ha Noi Medicine University hospital, ³ Ha Noi Medicine University hospital

The study was conducted on 300 female subjects who came to the gynecological examination at Ha Noi Medical University Hospital, through physical examination, had abnormal discharge and were assigned to do a vaginal smear test for *Candida* sp.. The prevalence of *Candida* sp. vagina is 22,3%. Some factors affecting *Candida* sp. vagina includes: Place to dry underwear without sunlight (OR=3,871; 95%CI=1,204 – 12,447), source of water used not clean water (OR=2,348; 95%CI=1,052 – 5,402), number of friends condition >1 (OR=2,795; 95%CI=1,094 – 7,139), history of antibiotic use (OR=2,051; 95%CI=1,088 – 3,867), regular daily use of tampons (OR=2,802; 95%CI=1,504 – 5,221).

Keywords: *Candida* sp., vaginal

**ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP ELISA ĐỊNH LƯỢNG KIỂM ĐỊNH CÔNG HIỆU
SINH PHẨM ĐIỀU TRỊ IMMUNOHBs CHỨA KHÁNG THỂ
KHÁNG VIÊM GAN SIÊU VI B**

Phạm Văn Hùng và cs

Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm y tế

Tóm tắt

Áp dụng Phương pháp ELISA định lượng kiểm định công hiệu sinh phẩm Immuno-HBs chứa kháng thể kháng viêm gan siêu vi B thông qua việc đánh giá sự phù hợp của quy trình gồm độ tuyến tính, giới hạn định lượng, độ đúng, độ chính xác và độ mạnh của phương pháp. Các tiêu chí đánh giá cho kết quả đều đạt yêu cầu về (độ tuyến tính; giới hạn định lượng (LOQ); độ đúng; độ chính xác; độ mạnh) đều đạt các tiêu chuẩn chấp thuận và phù hợp có thể ứng dụng phương pháp ELISSA định lượng cho kiểm định công hiệu của sản phẩm Immuno HBs với hàm lượng 180-200 IU/ml.

Từ khóa: Phương pháp ELISA, Immuno-HBs, Công hiệu.

Abstract

**APPLYING QUANTITATIVE ELISA METHOD TO TEST THE POTENCY OF
BIOLOGICAL IMMUNO-HBS PRODUCTS CONTAIN ANTIBODIES AGAINST
HEPATITIS B VIRUS**

Pham Van Hung et al

National Institute for control of vaccine and biological

Applying the quantitative ELISA method to test the effectiveness of Immuno-HBs biological products containing antibodies to hepatitis B virus through assessment the suitability of the process, including linearity, limit of quantification, accuracy, and precision and robustness of the method. The evaluation criteria for the results are satisfactory in terms of (linearity; limit of quantification (LOQ); precision; accuracy; strength) and all meet acceptable and applicable standards. Quantitative ELISSA method for testing the effectiveness of Immuno HBs products with the concentration of 180-200 IU/ml.

Keywords: ELISA method, Immuno-HBs, Potency

Cán bộ phản biện

PGS.TS. Cao Bá Lợi

Ngày nhận bài: 18/04/2022

Ngày gửi phản biện: 21/04/2022

Ngày đăng bài: 05/05/2022

VIỆN SỐT RÉT - KÝ SINH TRÙNG - CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÔN TRÙNG TRUNG ƯƠNG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

HƯỚNG DẪN ĐĂNG BÀI TRÊN TẠP CHÍ
PHÒNG CHỐNG BỆNH SỐT RÉT VÀ CÁC BỆNH KÝ SINH TRÙNG

Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh Ký sinh trùng là tạp chí khoa học của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương, xuất bản 6 số/năm (không bao gồm các số phụ trương), đăng tải các công trình nghiên cứu, các bài tổng quan trong lĩnh vực sốt rét, ký sinh trùng, côn trùng, y học lâm sàng, y học dự phòng và y xã hội học.

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG KHI VIẾT BÀI BÁO

- Bài viết được đánh máy bằng font Unicode, kiểu chữ Times New Roman, cỡ chữ 12 pt và từ khóa/key words.

- Mỗi bài viết không quá 4.000 từ (khoảng 7 - 8 trang khổ A4) kể cả bảng, hình minh họa và tài liệu tham khảo.

- Bài viết trên khổ giấy A4; căn lề: trên 2,5 cm, dưới 2,5 cm, trái 2,2 cm, phải 1,8 cm; lùi đầu dòng 1 cm; giãn cách dòng đơn; giãn cách đoạn phía trên 3 pt, phía dưới 3 pt.

- Bản thảo phải được đánh số trang ở giữa, phía dưới giấy.

- Tên thuốc và hóa chất giữ nguyên tên Latinh (trừ tên các thuốc sốt rét viết theo tên đã được Việt hóa trong cuốn sách “Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị sốt rét” của Bộ Y tế).

- Tên Latin của các loài: côn trùng, ký sinh trùng, động vật, thực vật, vi sinh vật... viết theo quy định của Danh pháp Quốc tế.

- Các thuật ngữ thống nhất theo từ điển Bách khoa Việt Nam. Danh từ tiếng Việt nếu được dịch từ tiếng nước ngoài phải được viết kèm theo từ nguyên gốc. Các chữ viết tắt phải có chú thích.

- Các bảng biểu, đồ thị (định dạng .jpeg, .pdf,...) phải được lồng ghép đúng vị trí minh họa trong bản thảo chính; đồng thời gửi riêng cho Ban biên tập các file gốc. Tiêu đề Bảng đặt phía trên mỗi bảng, tiêu đề Hình đặt phía dưới mỗi hình, ảnh, đồ thị.

- Cuối các tiêu đề không có dấu câu (không dùng dấu hai chấm hoặc dấu chấm)

II. TRÌNH TỰ, CÁCH TRÌNH BÀY CÁC MỤC TRONG BÀI BÁO

Bài báo được trình bày theo 18 mục chính, nhưng trong đó chỉ có 05 mục được đánh số. Thứ tự các mục trong bài báo như sau:

TIÊU ĐỀ BÀI BÁO (cỡ chữ 12 pt, in hoa, đậm, trừ tên loài không viết hoa; căn giữa dòng).

Tên tác giả, tên cộng sự, địa chỉ nơi công tác

Từ khoá:

1. ĐẶT VẤN ĐỀ (Giới thiệu mục tiêu nghiên cứu trong mỗi liên quan với các nghiên cứu khác cùng lĩnh vực đã được làm trước đây, không quá 01 trang A4).

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU (giới thiệu ngắn gọn và đầy đủ thông tin về đối tượng và phương pháp nghiên cứu. Tùy từng bài báo có thể chia thành các mục:

2.1. Địa điểm và thời gian nghiên cứu (bắt buộc)

2.2. Đối tượng nghiên cứu (bắt buộc)

2.3. Phương pháp nghiên cứu (bắt buộc)

2.4. Phương pháp xử lý số liệu(bắt buộc)

2.5. Vấn đề đạo đức trong nghiên cứu

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4. BÀN LUẬN

5. KẾT LUẬN

KIẾN NGHỊ (nếu có)

Lời cảm ơn: (nếu có)

TÀI LIỆU THAM KHẢO (xem phần IV: cách viết tài liệu tham khảo)

III. QUY TRÌNH NHẬN BÀI

1. Các bản thảo gửi cho thường trực Tạp chí bằng cả hai hình thức: trang in và file văn bản theo địa chỉ:

- Phòng 408, tòa nhà A, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương, 36 đường Trung Văn - Nam Từ Liêm - Hà Nội. Email: tapchikhoahocvsr@gmail.com

Tác giả có thể gửi bản thảo đến thường trực Tạp chí thông qua các thành viên của Ban biên tập.

IV. CÁCH VIẾT TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Một số ví dụ cách viết tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2007), *Xác định cỡ mẫu trong các nghiên cứu y tế*, NXB Y học Hà Nội, tr. 23- 26.

2. Nguyễn Văn Chương (2000), *Nghiên cứu một số ổ bệnh sán lá gan nhỏ mới được phát hiện ở ven biển miền trung Việt Nam*, Luận án tiến sỹ y học, Hà Nội.

3. Hồ Văn Hoàng (2006), “Cảnh báo nguy cơ gia tăng sốt rét ở vùng có nguy cơ sốt rét quay trở lại”, *Tạp chí Y học thực hành*, 16(1), tr. 52-57.

4. Borkakati R.R., Vinmanni S. S. (1997), “Genetics of thermosensitive genic male sterility in Rice”, *Euphytica*, 88(1), pp. 1-7.

5. Cabada M.M, White A.C. (2012), “New development in epidemiology, diagnosis, and treatment of fascioliasis”, *Current Opinion in Infectious Diseases*, 25(5), pp. 518-522.

6. FAO (1971), *Agricultural Commodity Projection (1970–1980)*, Vol. II. Rome.

7. Institute of Economic (1988), *Analysis of Expenditure Pattern of Urban Households in Vietnam*, Department of Economics, Economics Research Report, Hanoi.

2. Lệ phí đăng bài:

- Mỗi bản thảo theo quy định (tối đa 8 trang), có mức lệ phí đăng là 800.000 đồng/bài. Những bản thảo có số trang nhiều hơn số trang quy định thì tác giả phải nộp thêm 100.000

đồng/trang phát sinh (sau khi được sự đồng ý của Ban biên tập).

- Bài báo cần đăng sớm trong vòng 1 tháng lệ phí 1.000.000đồng/bài
- Lệ phí đăng bài nộp tại Phòng Tài chính Kế toán, các tác giả ở xa có thể chuyển khoản
- Đơn vị nhận tiền: Viện Sốt rét-Ký sinh trùng-Côn trùng Trung ương
- Số tài khoản: 3713.0.1057444.00000 - Tại Kho bạc Nhà nước Thanh Xuân
- Nội dung: Nộp tiền đăng bài trên Tạp chí số

Tác giả giữ phiếu thu và gửi bản photo phiếu thu cho thường trực Tạp chí trước khi bản thảo được đăng.

TỔNG BIÊN TẬP

THƯ KÝ

Sắp chữ điện tử và in tại Công ty TNHH in Thanh Bình

In 1.000 cuốn, khổ 20,5 x 29cm. Giấy phép số 510/GP-BVHTT ngày 10 tháng 11 năm 2015, do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 2022